

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Hoàng Hào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Thơ.
2. Ông Hoàng Đăng Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên số: 246/2021/TB-TA ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hữu T. Sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối Sa Nam, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Đơn vị công tác: Lữ đoàn 170, vùng 1 Hải quân, Quân chủng Hải quân đóng tại tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối Sa Nam, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 06/4/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. (Là nơi đơn vị anh đóng quân). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng gần 11 năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, suy nghĩ, quan điểm không hợp nhau. Đến năm 2018 thì không biết lý do gì vợ anh bỏ nhà, bỏ chồng con đi đâu không hay biết. Ngày 12/3/2021, thì Tòa án nhân dân huyện ND đã tuyên bố vợ anh chị Nguyễn Thị H mất tích. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị H theo quy định.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung: Trần Thị Minh H, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Hữu Minh Q, sinh ngày 14/12/2012. Ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Hương cấp dưỡng.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện ND đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H đang mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST-VDS ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện ND. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Hương nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt nên không có ý kiến về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm quyền Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Về hôn nhân: Anh Trần Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao con chung Trần Thị Minh H, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Hữu Minh Q, sinh ngày 14/12/2012 cho anh Trần Hữu T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hương do anh Tiến không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, giành quyền nuôi con chung với chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 12/3/2020, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng cách niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng, trụ sở UBND thị trấn NĐ và Tòa án nhân dân huyện NĐ. Tuy nhiên, chị Hương vẫn không có tin tức gì, không có ý kiến gì về nội dung vụ án. Nguyên đơn anh Tiến vắng mặt tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Hương và anh Tiến là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2007 tại UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định, được pháp luật bảo vệ, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong gia đình. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống khác nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2018 thì chị Hương bỏ nhà đi đâu không rõ tung tích. Tòa án đã tuyên bố chị Nguyễn Thị H mất tích, anh Tiến cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải. Xét thấy vợ chồng đã không còn chung sống thời gian khá dài do chị Hương mất tích, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc với nhau là vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa anh Tiến và chị Hương đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ khoản 1, 2 của Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hữu T đối với chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Anh Trần Hữu T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung: Trần Thị Minh H, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Hữu Minh Q, sinh ngày 14/12/2012. Ly hôn, anh Tiến có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành mà không yêu cầu chị Hương cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Hương đã bị Tòa án tuyên bố mất tích không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu, điều kiện thực tế, quyền lợi về về mọi mặt thì việc giao hai con chung cho anh Tiến trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng đắn và cần thiết.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do anh Tiến không yêu cầu nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Hương là đúng quy định của pháp luật. Trường hợp anh Tiến có yêu cầu cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác. Trường hợp anh Tiến nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà chị Hương có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Trường hợp chị Hương lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Tiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Hương không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp chị Hương có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu T.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Thị Minh H, sinh ngày 21/12/2008 và Trần Hữu Minh Q, sinh ngày 14/12/2012 cho anh Trần Hữu T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H do anh Trần Hữu T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp anh Tiến là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà chị Hương có căn cứ chứng minh thì có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Trường hợp chị Hương lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Tiến có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Anh Trần Hữu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003575 ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. (Anh Tiến đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Hữu T và chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND P. Thọ Quang – Đà Nẵng,
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hoàng Hào

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Hoàng Hào